

Số: *21/2* /PETROLAND - TCKT
V/v nộp Báo cáo thường niên năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *18* tháng *4* năm 2017

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Thực hiện thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Công ty Petroland - Mã chứng khoán: PTL) nộp Báo cáo thường niên năm 2016 (Báo cáo đính kèm).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P. TCKT, N4.



GIÁM ĐỐC



Bui Minh Chinh
Bui Minh Chinh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Năm báo cáo: Năm 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305284081
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.000.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (08) 54161020
- Số fax: (08) 54161021
- Website: www.petroland.com.vn
- Mã cổ phiếu: PTL

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là Công ty Petroland) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24/05/2007 của HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Ngày 20/9/2007, Đại Hội Đồng Cổ Đông lần I của Công ty Petroland đã được tổ chức tại khách sạn Legend để thông qua các quyết định quan trọng: Thông qua Danh sách cổ đông và tỷ lệ vốn góp; Bầu HĐQT, Ban Kiểm soát và ban hành Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần.

Công ty Petroland chính thức hoạt động từ ngày 01/11/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 (nay đổi thành số 0305284081) cấp ngày 29/10/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Gồm các ngành nghề đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305284081 ngày 29/5/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh. (Đăng ký lần đầu số 4103008269 cấp ngày 29/10/2007).

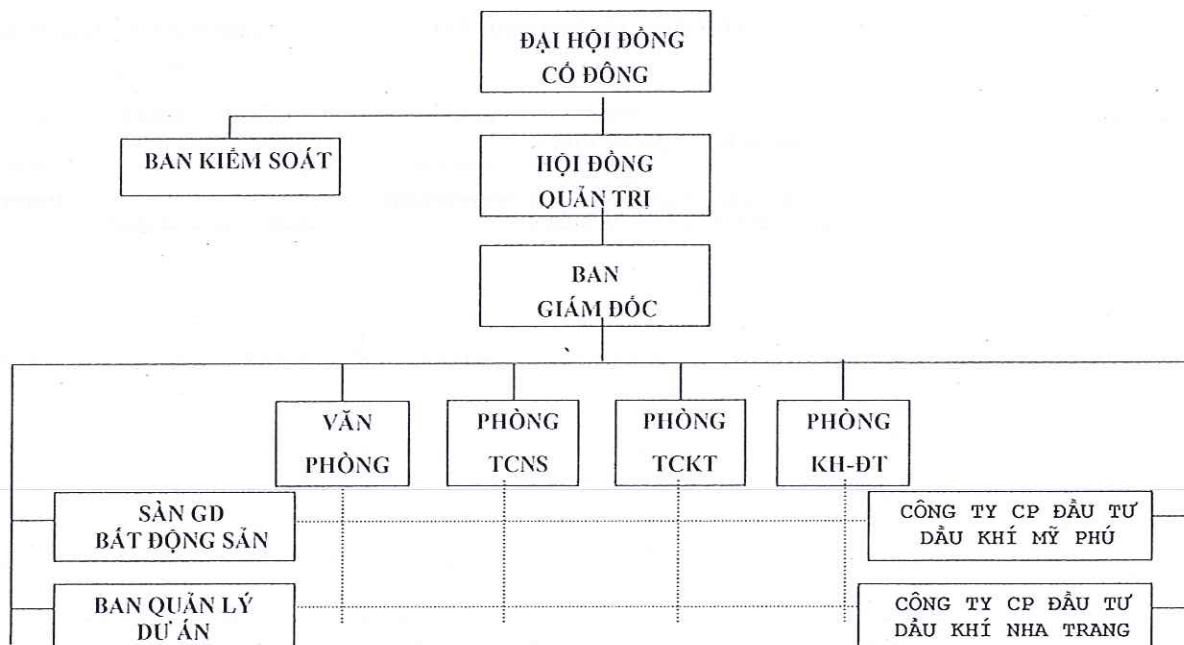
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị, văn phòng, cảng biển, cảng sông. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh bất động sản.



- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, phòng trà, ca nhạc).
 - Quảng cáo.
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở).
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở).
 - Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác.
 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
 - Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).
 - Xây dựng công trình công ích.
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Quản lý bất động sản. Sản giao dịch bất động sản.
 - Hoạt động của các cơ sở thể thao.
 - Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động khu vui chơi trẻ em, bể bơi.
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công công trình giao thông (cảng, đường thủy). Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Lập dự toán và tổng dự toán. Tư vấn đấu thầu. Thẩm tra dự án. Tư vấn xây dựng.
 - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
 - Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật tư, tiết bị ngành xây dựng.
 - Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Tư vấn đầu tư.
 - Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn quản lý dự án đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán, pháp luật)
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Sơ đồ tổ chức của Công ty Petroland:



Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty Petroland gồm:

- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Giám đốc (GD).
- 2 Phó Giám đốc (Phó GD).
- 6 đơn vị tham mưu, gồm:
 - 1/ Văn Phòng;
 - 2/ Phòng Tổ chức Nhân sự;
 - 3/ Phòng Tài chính Kế toán;
 - 4/ Phòng Kế hoạch Đầu tư;
 - 5/ Sàn Giao dịch bất động sản;
 - 6/ Ban Quản lý dự án;
- Và 2 Công ty thành viên:
 - 1/ Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú;
 - 2/ Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

- Các công ty con, công ty liên kết:

ĐVT: tỷ đồng

Số TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ theo cam kết			Vốn điều lệ thực góp		
			Vốn điều lệ công ty cổ phần	Giá trị phần vốn góp của Petroland	Tỷ lệ góp vốn của Petroland	Vốn điều lệ thực góp	Giá trị phần vốn góp của Petroland	Tỷ lệ góp vốn của Petroland
1	Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Tầng 7, 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh	175	157,325	89,90%	174,488	157,325	90,16%
2	Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	67 Mê Linh, phường Tân Lập, TP.Nha Trang, Khánh Hòa	315,425	196,15	62,19%	315,425	196,15	62,19%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, từng bước đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ và đa dạng hóa thị trường có chọn lọc. Phát triển Công ty Petroland thành công ty mạnh, đủ năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực bất động sản ở Việt Nam.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển Petroland giai đoạn 2016 – 2021 tập trung xác định 2 nội dung chính:

1. Lĩnh vực kinh doanh:

- Phát triển khu đô thị mới: Phát triển khu đô thị mới (với sản phẩm nhà biệt thự, nhà liên kế, căn hộ cao cấp và trung bình) giúp xây dựng và phát triển thương hiệu Petroland;
- Kinh doanh bất động sản (căn hộ, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại);
- Dịch vụ kinh doanh bất động sản. Mở rộng hoạt động kinh doanh: môi giới, định giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Tư vấn quản lý dự án: đẩy mạnh phát triển lĩnh vực tư vấn – quản lý dự án;
- Thi công xây dựng (dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cảng biển, cảng sông).
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh khác. Công ty sẽ tìm kiếm cơ hội mở rộng sang các hoạt động như kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh máy móc trong ngành dầu khí, kinh doanh bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm dầu khí khác.

2. Chiến lược cạnh tranh:

Chiến lược chung cho các loại sản phẩm/dịch vụ của Petroland là tập trung với khác biệt hóa. Mỗi lĩnh vực kinh doanh cần tập trung phục vụ một số phân khúc thị trường (nhóm khách hàng). Petroland cạnh tranh bằng cách tạo ra những khác biệt cho sản phẩm/dịch vụ. Đó là chất lượng, thời điểm đưa sản phẩm ra thị trường và dịch vụ hỗ trợ, chăm sóc khách hàng. Chú trọng chăm sóc khách hàng, đảm bảo thủ tục mua nhà nhanh gọn và tiện lợi. Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản chuyên nghiệp. Phát triển nhà ở với sản phẩm đa dạng, phục vụ các nhóm khách hàng có nhu cầu khác nhau.

Phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp. Tuyển một số cán bộ giỏi có nhiều kinh nghiệm thực tiễn làm đầu tàu cho các đơn vị/bộ phận trong Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu chủ yếu của kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	1.000,00	1.000,00
2	Giá trị đầu tư	tỷ đồng	100,00	3,15
3	Doanh thu	tỷ đồng	215,00	161,89
4	Lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ	tỷ đồng	93,00	1,03
5	Tổng số thuế và các khoản còn phải nộp NSNN	Tỷ đồng	0,68	8,09
6	Số lao động bình quân	người	100	93
7	Tiền lương bình quân	trđ/ng/th	11,56	11,56

Đánh giá chung tình hình SXKD năm 2016:

Qua đánh giá thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016, Công ty Petroland đã đạt được những kết quả như sau:

- Về công tác đầu tư: giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2016 của Công ty Petroland đạt 3,15 tỷ đồng so với 100 tỷ đồng KH năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu do khó khăn trong tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu và dự án không hoàn thành kế hoạch đầu tư đã đề ra.

- Về doanh thu: thực hiện 161,89 tỷ đồng trên 215 tỷ đồng kế hoạch năm 2016.
- Về lợi nhuận trước thuế: lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ là 1,03 tỷ đồng so với 93 tỷ đồng KH năm 2016.

Kết quả SXKD năm 2016 Công ty Petroland không hoàn thành kế hoạch do các nguyên nhân sau:

- Kết quả SXKD của các công ty con của Petroland (Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang, Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú) vẫn lỗ trong năm 2016.
- Dự án Chung cư Thăng Long: Công ty Petroland đã tìm đối tác chuyển nhượng dự án, nhưng do các thủ tục pháp lý trong quá trình thực hiện việc chuyển nhượng dự án Chung cư Thăng Long kéo dài, dòng tiền thu hồi về chậm so với kế hoạch nên Công ty Petroland chưa thanh toán hết nợ vay với ngân hàng và vẫn phải chịu chi phí lãi vay cao trong năm 2016. Do đó Công ty Petroland không hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2016
- Dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu: Tiến độ công việc trong năm 2016 của dự án Vũng Tàu là Công ty Petroland xin phép chính quyền cho khai thác một phần diện tích đã được đền bù và san lấp mặt bằng phần diện tích đó.

Thực tế trong năm 2016 Công ty Petroland tập trung vào làm việc với chính quyền địa phương về thủ tục đầu tư nên không sử dụng đến số vốn đã đăng ký trong kế hoạch đầu tư năm 2016.

Do dự án kéo dài và chậm triển khai theo kế hoạch đã đề ra, cho nên vào ngày 19/09/2016, Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản số 2319/SXD-QLN về việc thông báo dừng triển khai đầu tư dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu tại phường 10, 11 thành phố Vũng Tàu. Và đến ngày 07/11/2016 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản số 9675/UBND-VP v/v thu hồi chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu tại phường 10 và phường 11 thành phố Vũng Tàu.

- Công ty Petroland vẫn chưa thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại dự án Sân Golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh, dự án Tương Bình Hiệp, dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu.

Tổng kết trong năm 2016, Công ty Petroland đã thành công chuyển nhượng được dự án Chung cư Thăng Long nhưng dòng tiền thu hồi về chậm nên Công ty Petroland chưa thanh toán nợ vay với ngân hàng, với Tổng Công ty và vẫn phải chịu chi phí lãi vay cao trong năm 2016. Công tác thoái vốn tại dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu, dự án Sân Golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh, dự án Tương Bình Hiệp vẫn chưa hoàn thành. Dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu sau một thời gian chậm triển khai so với kế hoạch đầu tư đã bị UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định thu hồi.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách ban điều hành:

1. Ông Bùi Minh Chính – Giám đốc Công ty
2. Ông Trần Hữu Giang – Phó giám đốc Công ty
3. Ông Ngô Phan Hòa Bình – Phó giám đốc Công ty
4. Bà Phạm Thúy Nga – Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu

TÓM TẮT TRÍCH NGANG LÝ LỊCH BÙI MINH CHÍNH

1. VỀ BẢN THÂN:

- Họ và tên: **BÙI MINH CHÍNH** Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 18/01/1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Sơn, Đông Hưng, Thái Bình
- Nơi đăng ký HKTT: 2 bis Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, kỹ sư xây dựng.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- Số CMND: 024042740 Ngày cấp: 24/04/2013 Nơi cấp: Tp. Hồ Chí Minh
- Chức vụ hiện tại đang đảm nhận: Giám đốc Công ty, Ủy viên HĐQT Công ty Petroland
- Đại diện phần vốn của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam: 12% vốn Điều lệ Petroland tương đương 12.000.000 cổ phiếu PTL
- Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phiếu PTL

2. QUA TRÌNH ĐÀO TẠO:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo bồi dưỡng	Từ tháng, năm – Đến tháng năm	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
Đại học Xây dựng	Kỹ sư vật liệu	3/9/1979 - 10/10/1984	Kỹ sư
Học viện Chính trị Quốc gia	Lý luận chính trị cao cấp	2001-2003	Bằng tốt nghiệp
AIT CV	Quản lý dự án	2002	Chứng chỉ
	Quản lý giám sát	2006	Chứng chỉ
	Quản lý đấu thầu	2007	Chứng chỉ
PACE	Giám đốc điều hành chuyên nghiệp	2009	Chứng nhận
Học viện cán bộ quản lý Xây dựng và Đô thị	Bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm soát viên doanh nghiệp	2010	Chứng nhận
Đại học Griggs	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	2010-2011	Bằng tốt nghiệp
Trung tâm đào tạo SKC	Bồi dưỡng nghiệp vụ về “Báo cáo tài chính hợp nhất và các chuẩn mực Kế toán có liên	2011	Chứng nhận

3052
CÔNG
CỔ P
JTUM
VÀ ĐÓ
TẤU I
T.P.H

Petroland.

2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo bồi dưỡng	Từ tháng, năm – Đến tháng năm	Văn bằng, chứng chỉ
Trường ĐH Kiến trúc TPHCM	Kiến trúc công trình	1996-2003	Bằng ĐH
Trường ĐH Mở TPHCM	Quản lý dự án	10/2007-12/2007	Chứng nhận
Quản lý tòa nhà	IFA	4/2012-5/2012	
Trường PACE	Năng lực quản trị cho quản lý cấp trung	8/2011	Chứng nhận
Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn KVII	Quản lý kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động	4-5/12/2013	Chứng nhận
Viện nghiên cứu giáo dục và hợp tác quốc tế	Bồi dưỡng nghiệp vụ Kỹ sư định giá	8/2014	Chứng nhận

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ năm đến năm	Chức vụ, đơn vị công tác
Trước 7/2008	Thiết kế và quản lý thiết kế cho các công ty: - Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng N-Arch - Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Nam Tiến Lộc - Công ty dịch vụ Công ích Q8 - Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO
7/2008-3/2011	Quản lý thiết kế và quản lý dự án Công ty TNHH Tư vấn – Thiết kế - Xây dựng Đông Hải
Từ 4/2011 – 4/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty Petroland
5/2014-nay	Phó giám đốc Công ty Kiểm giám đốc Chi nhánh Công ty Petroland.

TÓM TẮT TRÍCH NGANG LÝ LỊCH PHẠM THÚY ANGA

1. VỀ BẢN THÂN:

- Họ và tên: **PHẠM THÚY NGA** Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 13/07/1977 Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký HKTT: P307 Lô B3, Chung cư 1A 1B , Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
- Số CMND: 023291792; Ngày cấp: 28/4/2010; Nơi cấp: CA. TPHCM
- Chức vụ hiện tại đang đảm nhận: Kế toán trưởng Công ty Petroland

2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo bồi dưỡng	Từ tháng, năm – Đến tháng năm	Văn bằng, chứng chỉ
Công ty CP Kiểm toán AFC	Kế toán trưởng	2006	Chứng chỉ
Trường ĐH Kinh tế TPHCM	Kế toán kiểm toán	1995-1999	Bằng ĐH
Trường ĐH Sư phạm TPHCM	Anh văn Bằng C	1998	Chứng chỉ
CTCP ĐT&Nghiên cứu Quản lý Kinh tế	Nghiệp vụ Đấu thầu	5/2010	Chứng chỉ
Trường PACE	Năng lực quản trị cho quản lý cấp trung	8/2011	Chứng nhận

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ năm đến năm	Chức vụ, đơn vị công tác
8/1999-4/2007	Chuyên viên kế toán và kiêm nhiệm Kế toán trưởng của 02 Xí nghiệp thành viên - Công ty CP Tàu cước (Bộ Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

5/2007-5/2009	Chuyên viên kế toán - Công ty CP Chứng khoán Phương Đông
Từ 12/2009 - 3/2014	Kế toán tổng hợp, Phó phòng TCKT Công ty Petroland, Kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.
3/2014-nay	Quyền Kế toán trưởng, Kế toán trưởng công ty Petroland

- Những thay đổi trong ban điều hành năm 2016:

Miễn chức danh phó giám đốc Công ty Petroland đối với ông Nguyễn Phương Nam theo Quyết định số 301/QĐ-PETROLAND ngày 10/5/2016 để giới thiệu bầu bổ sung thành viên HĐQT chuyên trách nhiệm kỳ 2013-2017.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*Tình hình thực hiện các dự án:**** Tòa nhà Petroland Tower:**

- Công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho khách hàng: làm thủ tục sang tên chủ quyền trên giấy chứng nhận quyền sở hữu cho khách hàng.

*** Chung cư Petroland Quận 2:**

- Công tác quyết toán dự án: Đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán với các nhà thầu;
- Công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho khách hàng: hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận chủ quyền cho khách hàng trong tháng 12/2016.

* *Chung cư Mỹ Phú:* thực hiện việc bàn giao căn hộ cho khách hàng, vận hành và quản lý chung cư.

* *Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu:* dự án đã dừng triển khai. Ngày 19/09/2016, Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản số 2319/SXD-QLN về việc thông báo dừng triển khai đầu tư dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu tại phường 10, 11 thành phố Vũng Tàu. Và đến ngày 07/11/2016 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản số 9675/UBND-VP v/v thu hồi chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu tại phường 10 và phường 11 thành phố Vũng Tàu.

* *Sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh:* đã có chủ trương chấp thuận cho Công ty Petroland thoái vốn khỏi dự án. Công ty Petroland đã uỷ quyền cho Tổng Công ty thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án.

* *Chung cư Thăng Long:* Công ty Petroland đã tìm đối tác chuyển nhượng dự án và đang thực hiện việc chuyển nhượng dự án Chung cư Thăng Long.

* *Dự án Tương Bình Hiệp – Bình Dương:* Công ty Petroland đang tìm đối tác để chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại dự án.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.751.975.456.009	1.676.807.363.069	(4.29)%
Doanh thu thuần	475.067.280.832	89.813.645.983	(81.09)%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.703.419.223)	(7.584.094.900)	(32.97) %
Lợi nhuận khác	24.103.292.554	7.589.625.332	(68.51)%
Lợi nhuận trước thuế	18.399.873.331	5.530.432	(99.97)%
Lợi nhuận sau thuế	5.019.951.259	5.530.432	(99.89)%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,724	1,767
+Hệ số thanh toán nhanh		
(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,096	1,441
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,422	0,398
+Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,732	0,661
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,056	0,405	
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,271	0,053	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,011	0	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,005	0	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,003	0	
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-0,120	0	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần: 100.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.134.920 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 98.865.080 cổ phần

b/ Cơ cấu cổ đông: (tính đến ngày chốt 15/3/2017)

STT	Danh mục	Số lượng CK sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	98.316.146	983.161.460.000	99.44%
1	Cổ đông là tổ chức	49.077.752	490.777.520.000	49.64%
2	Cổ đông là cá nhân	49.238.394	492.383.940.000	49.80%
II	Cổ đông nước ngoài	548.934	5.489.340.000	0.56%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

1	Cổ đông là tổ chức	240.080	2.400.800.000	0.25%
2	Cổ đông là cá nhân	308.854	3.088.540.000	0.31%
	Tổng số cổ phần đang lưu hành	98.865.080	988.650.800.000	100

*c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: không phát sinh**d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ: không phát sinh**e/ Các chứng khoán khác: không phát sinh***III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc****1. Đánh giá chung tình hình SXKD năm 2016:**

Qua đánh giá thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016, Công ty Petroland đã đạt được những kết quả như sau:

- Về công tác đầu tư: giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2016 của Công ty Petroland đạt 3,15 tỷ đồng so với 100 tỷ đồng KH năm 2016.
- Về doanh thu: thực hiện 161,89 tỷ đồng trên 215 tỷ đồng kế hoạch năm 2016.
- Về lợi nhuận trước thuế: lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ là 1,03 tỷ đồng so với 93 tỷ đồng KH năm 2016.

Kết quả SXKD năm 2016 của Công ty Petroland không hoàn thành kế hoạch do các nguyên nhân sau:

- Kết quả SXKD của các công ty con của Petroland (Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang, Công ty CP Đầu tư Dầu khí Thăng Long, Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú) vẫn lỗ trong năm 2016.
- Dự án Chung cư Thăng Long: Công ty Petroland đã tìm đối tác chuyển nhượng dự án, nhưng do các thủ tục pháp lý trong quá trình thực hiện việc chuyển nhượng dự án Chung cư Thăng Long kéo dài, dòng tiền thu hồi về chậm so với kế hoạch nên Công ty Petroland chưa thanh toán hết nợ vay với ngân hàng và vẫn phải chịu chi phí lãi vay cao trong năm 2016.
- Dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu: làm việc với chính quyền địa phương về việc cho Petroland khai thác một phần diện tích đã được đền bù và san lấp mặt bằng phần diện tích đó nên không sử dụng đến số vốn đã đăng ký trong kế hoạch đầu tư năm 2016.

3052
CÔNG
CỔ P
: TƯ
VÀ Đ
ĐẦU
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

- Chưa tìm được đối tác để thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty Petroland tại các dự án Sân Golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh, dự án Tương Bình Hiệp, dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu.

Các chỉ tiêu chủ yếu của kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2016:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	1.000,00	1.000,00
2	Giá trị đầu tư	tỷ đồng	100,00	3,15
3	Doanh thu	tỷ đồng	215,00	161,89
4	Lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ	tỷ đồng	93,00	1,03
5	Tổng số thuế và các khoản còn phải nộp NSNN	Tỷ đồng	0,68	8,09
6	Số lao động bình quân	người	100	93
7	Tiền lương bình quân	trđ/ng/th	11,56	11,56

2. Phân tích, đánh giá tác động của các biến động của thị trường đến hoạt động SXKD của Công ty Petroland năm 2016:

Trong năm 2016, mặc dù Công ty Petroland đã tìm kiếm được đối tác để chuyển nhượng dự án Chung cư Thăng Long nhưng dòng tiền thu hồi về chậm nên Công ty Petroland chưa thanh toán nợ vay với ngân hàng, Tổng Công ty nên vẫn phải chịu chi phí lãi vay cao.

Công tác thoái vốn tại các dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu, dự án Sân Golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh, dự án Tương Bình Hiệp chưa hoàn thành.

Trong năm 2017, Công ty Petroland tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng các dự án trên và đẩy mạnh công tác quản lý tòa nhà.

3. Tình hình thực hiện chế độ chính sách, an sinh xã hội của Công ty mẹ Petroland:

a) Số lượng lao động; mức lương trung bình đối với người lao động Số lượng lao động tại ngày 31/12/2016 là 90 người. Mức tiền lương bình quân là 11,6 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động Công ty thực hiện đầy đủ việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo quy định. Ngoài ra công ty còn hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm PVC care.

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBNV.

Ngoài ra công ty còn thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động như: tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm, tặng quà hoặc tiền nhân ngày sinh nhật và các ngày Lễ, Tết hàng năm theo thỏa ước lao động tập thể...

c) Hoạt động đào tạo người lao động tổ chức cho CBNV tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ do Tập đoàn, Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam tổ chức.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2016 Công ty Petroland tiếp tục chịu tác động chung từ tình hình kinh tế trên toàn thế giới, chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ đã làm cho thị trường bất động sản đóng băng, việc tiêu thụ sản phẩm nói chung cũng như việc đầu tư vào các dự án gặp rất nhiều khó khăn.

Các nhà thầu gặp khó khăn về vốn, tiến độ thi công không đạt như kế hoạch đề ra khiến các dự án bị chậm trễ làm Công ty không bàn giao mặt bằng cho khách hàng đúng theo hợp đồng, ảnh hưởng đến uy tín và công tác thu hồi vốn của Công ty, làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và kết quả thực hiện năm 2016. Vì vậy kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 không đạt được như kỳ vọng, tuy nhiên so với đa số các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản khác, năm 2016 Công ty Petroland vẫn thu được lợi nhuận, có lãi.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Dù tình hình chung của thị trường bất động sản còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Ban Giám đốc cũng đã cố gắng thực hiện các chỉ tiêu KH SXKD đạt được mức tốt nhất có thể.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực điều hành của các thành viên HĐQT, luôn bám sát những quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT và kế hoạch chiến lược phát triển của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

- Chỉ đạo hoạt động SXKD ổn định, tăng trưởng bình quân tăng hơn năm trước đối với các lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng, điều hành và quản lý Công ty hiệu quả hơn thông qua các Quy chế quản trị sửa đổi phù hợp tình hình thực tế.

- Tập trung các giải pháp nhằm nâng cao năng suất người lao động, phát triển Công ty, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực sẵn có.

- Chỉ đạo quyết liệt để đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án: Căn hộ có giá trung bình thấp để phục vụ đa số khách hàng có nhu cầu về nhà ở, khai thác nhu cầu nhà ở của CBCNV trong ngành Dầu khí; Đầu tư vào các dự án mới, hoặc hợp tác đầu tư với các đối tác để thực hiện các dự án Công ty đang triển khai.

340
3 TY
HÂN
A T
TH
KH
ĐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

- Thực hiện tốt việc tư vấn quản lý dự án, trong đó trọng tâm là dự án Trung tâm phân tích thí nghiệm và văn phòng làm việc của Viện Dầu khí tại TP.HCM. Tư vấn quyết toán hoàn thành các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Thực hiện tốt việc tự quản lý các sản phẩm bất động sản do chính Công ty đầu tư như: Tòa nhà Petroland, Chung cư Petroland quận 2, chung cư Mỹ Phú quận 7, Đẩy mạnh việc đầu tư vào các dịch vụ sửa chữa, bảo trì và bảo dưỡng các hạng mục thuộc các Tòa nhà đang quản lý. Tiếp tục xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp với mục đích phát triển mạnh và bền vững mảng dịch vụ quản lý nhà cho các đơn vị khác có nhu cầu.

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: chủ động mở rộng hoạt động kinh doanh của Sàn giao dịch bất động sản như môi giới, định giá, quản lý bất động sản.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ Ban Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý, nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu Kế hoạch từng năm và đạt mức tăng trưởng cao.

- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp cụ thể, thực hành tiết kiệm nhằm thực hiện tốt chiến lược phát triển Công ty đề ra.

- Củng cố và kiện toàn bộ máy gọn nhẹ, năng động và hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn trong từng bộ phận để đáp ứng kịp thời theo nhu cầu phát triển của Công ty.

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của CBCNV Công ty, để họ yên tâm công tác, cống hiến hết sức mình cho Công ty.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thu hồi được từ việc thoái vốn tại các dự án góp vốn, trong đó tập trung ưu tiên xử lý dứt điểm các khoản công nợ/vay quá hạn.

- Xử lý dứt điểm các vướng mắc và chốt số liệu công nợ với các nhà thầu/ khách hàng để xây dựng phương án xử lý và thu hồi công nợ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	Chuyên trách
2	Ông Bùi Minh Chính	Ủy viên	Kiểm nhiệm
3	Ông Trần Hữu Giang	Ủy viên	Kiểm nhiệm
4	Ông Nguyễn Phương Nam	Ủy viên	Chuyên trách
5	Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên	Kiểm nhiệm

Hoạt động của Hội đồng quản trị

HDQT tiếp tục giám sát sát sao hoạt động của Giám đốc và đề ra những mục tiêu và kế hoạch cho Công ty.

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	05	100%	
2	Ông Bùi Minh Chính	Ủy viên	05	100%	
3	Ông Trần Hữu Giang	Ủy viên	05	100%	
4	Ông Nguyễn Phương Nam	Ủy viên	02	40%	Bầu bổ sung từ 19/5/2016
5	Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên	02	40%	Bầu bổ sung từ 19/5/2016

2. Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Cường Trưởng ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Tùng Thành viên

Bà Hoàng Thị Thu Huyền Thành viên

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Petroland trong năm 2016 đều đặn, thường xuyên. Cũng do bị hạn chế về mặt thời gian, việc kiểm tra kiểm soát thực hiện theo phương pháp chọn mẫu trong số hồ sơ tài liệu liên quan đến nội dung kiểm soát, nên chất lượng báo cáo kiểm soát phần nào mang tính tương đối.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

2. Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã họp 06 lần:

2.1. Cuộc họp ngày 15/4/2016: bàn thảo về nội dung kiểm tra kiểm soát Công ty Petroland quý 4/2015 và quý 1/2016, thống nhất được kế hoạch kiểm soát quý 4/2015 và quý 1/2016.

2.2. Cuộc họp ngày 10/5/2016: trên cơ sở nội dung kiểm tra kiểm soát thực hiện vào ngày 27 - 29/4/2016, thống nhất được Báo cáo kết quả kiểm tra kiểm soát quý 4/2015 và quý 1/2016.

2.3. Cuộc họp ngày 15/8/2016: bàn thảo về nội dung kiểm tra kiểm soát Công ty Petroland quý 2/2016, thống nhất được kế hoạch kiểm soát quý 2/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

2.4. Cuộc họp ngày 12/9/2016: trên cơ sở nội dung kiểm tra kiểm soát thực hiện từ ngày 25/8 - 26/8/2016, thống nhất được Báo cáo kết quả kiểm tra kiểm soát quý 2/2016.

2.5. Cuộc họp ngày 20/10/2016: bàn thảo về nội dung kiểm tra kiểm soát Công ty Petroland quý 3/2016, thống nhất được kế hoạch kiểm soát quý 3/2016.

2.6. Cuộc họp ngày 02/12/2016: trên cơ sở nội dung kiểm tra kiểm soát thực hiện từ ngày 31/10 đến ngày 04/11/2016, thống nhất được Báo cáo kết quả kiểm tra kiểm soát quý 3/2016.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**3.1 Lương, thưởng, các khoản lợi ích***1./ Mức thù lao hàng tháng của Hội đồng quản trị:*

- + Thành viên HĐQT (không chuyên trách): 2.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT (chuyên trách): theo quy chế tiền lương của Petroland

2./ Mức thù lao hàng tháng của Ban kiểm soát:

- + Trưởng BKS (không chuyên trách): 1.500.000 đồng/tháng
- + Thành viên BKS(không chuyên trách): 1.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên BKS(chuyên trách): theo quy chế tiền lương của Petroland

3./ Lương, thưởng hàng tháng của Ban giám đốc: theo quy chế tiền lương của Petroland

Năm 2015, Công ty Petroland đã chi trả đầy đủ các khoản lợi ích cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc như sau:

Nội dung	Số tiền (đồng)
Tổng thù lao của Hội đồng quản trị (bao gồm chuyên trách và kiêm nhiệm)	643,423,918
Tổng thù lao của Ban kiểm soát (bao gồm chuyên trách và kiêm nhiệm)	244,731,438
Tổng thu nhập của Ban giám đốc	1,189,281,768

3.2 Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đồng nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cổ đồng sáng lập	5.705.400	5,71%	0	0%	Bán

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty Mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày

tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 1, Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh trong năm 2016, trong khi cơ sở để ghi nhận nghiệp vụ là chưa phù hợp theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kê toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu Công ty không ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long theo chuẩn mực kế toán và chế độ kê toán doanh nghiệp Việt Nam, thì Công ty sẽ phải hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, theo đó, mục “Tổng tài sản”, “Nợ phải trả”, và “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm lần lượt là 95.503.553.744 đồng, 43.995.520.000 đồng, và 51.508.033.744 đồng. Đồng thời, chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính” và “Chi phí tài chính” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm và tăng lần lượt tương ứng là 50.862.981.700 đồng và 2.646.172.044 đồng.
2. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị tầng hầm để xe công trình Chung cư cao tầng Mỹ Phú do Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú làm chủ đầu tư tại Phường Tân Kiểng, Quận 7 được tạm tính theo phê duyệt dự án đầu tư ban đầu là 58.910.721.565 đồng. Căn cứ vào các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được, chúng tôi không thể xác định được diện tích tầng hầm sở hữu chung của chủ sở hữu chung cư và diện tích tầng hầm sở hữu riêng của chủ đầu tư, do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xem xét liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 7 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu khác bao gồm một số khoản phải thu tiền phạt do chậm tiến độ từ các bên thi công công trình theo các điều khoản của hợp đồng và phạt chậm thanh toán với số tiền là 73.018.256.384 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 74.335.999.384 đồng) vẫn chưa được các bên thi công xác nhận đến ngày lập báo cáo này. Vấn đề này chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các năm trước. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp liên quan đến việc ghi nhận này bằng các thủ tục kiểm toán khác về các số liệu trên cũng như ảnh hưởng của các số liệu trên đến khoản mục “lỗ lũy kế” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến hạch toán bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú. Trong năm 2012, Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ phải thu PVC-SG và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền 18.927.755.598 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vấn đề này vẫn chưa có xác nhận của PVC-SG. Theo đó, ý kiến kiểm

toán ngoại trừ cho khoản mục này vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		927.024.622.723	634.607.397.624
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.868.295.144	28.780.740.113
1. Tiền	111		15.868.295.144	15.000.623.971
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	13.780.116.142
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		718.111.032.602	338.486.750.699
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	563.153.358.935	231.256.163.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.190.517.556	4.552.339.691
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	134.909.914.176	103.994.727.929
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.142.758.065)	(1.316.480.733)
IV. Hàng tồn kho	140	8	171.078.645.572	207.616.406.820
1. Hàng tồn kho	141		171.078.645.572	209.804.599.421
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.188.192.601)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.966.649.405	59.723.499.992
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	300.523.827	2.878.592.387
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.404.232.283	49.550.895.680
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	7.261.893.295	7.294.011.925
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		749.782.740.346	1.117.368.058.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		164.648.421.951	210.837.594.278
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	101.875.219.012	103.312.273.041
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		1.392.771.200	1.390.956.200
3. Phải thu dài hạn khác	216	7	61.380.431.739	106.134.365.037
II. Tài sản cố định	220		78.233.093.488	81.641.517.237
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	62.938.718.367	65.974.809.560
- Nguyên giá	222		78.964.678.785	78.929.078.785
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.025.960.418)	(12.954.269.225)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	15.294.375.121	15.666.707.677
- Nguyên giá	228		17.197.453.143	17.230.877.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.903.078.022)	(1.564.169.466)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	67.343.944.598	68.668.509.934
- Nguyên giá	231		72.642.205.933	72.642.205.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.298.261.335)	(3.973.695.999)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		395.461.456.322	711.842.326.405
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	327.125.287.643
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	395.461.456.322	384.717.038.762
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	36.000.000.000	36.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.000.000.000	36.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.095.823.987	8.378.110.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	8.095.823.987	8.378.110.531
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.676.807.363.069	1.751.975.456.009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ
B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		667.379.069.726	740.556.845.291
I. Nợ ngắn hạn	310		524.500.442.562	389.347.644.768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	48.849.672.065	47.771.268.237
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	3.167.690.018	8.223.235.823
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	8.087.508.122	12.094.625.441
4. Phải trả người lao động	314		1.786.389.241	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	138.798.790.122	141.497.496.130
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	382.221.820	382.221.820
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	141.859.265.650	73.070.215.984
8. Vay và nợ ngắn hạn	320	21	181.568.905.524	106.308.581.333
II. Nợ dài hạn	330		142.878.627.164	351.209.200.523
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	18	59.497.000.000	75.180.563.456
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	13.948.036.714	14.330.258.534
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	26.088.741.551	96.353.529.634
4. Vay và nợ dài hạn	338	22	43.344.848.899	165.344.848.899
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.009.428.293.343	1.011.418.610.718
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.009.428.293.343	1.011.418.610.718
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết 411a			1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.458.924.626	23.458.924.626
4. Lũy kế	421		(142.586.360.612)	(143.621.100.260)
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(143.621.100.260)	(144.467.932.570)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		1.034.739.648	846.832.310
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24	136.422.215.249	139.447.272.272
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.676.807.363.069	1.751.975.456.009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		119.405.645.983	478.384.772.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29.592.000.000	3.317.491.221
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	89.813.645.983	475.067.280.832
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	76.676.054.293	415.426.788.363
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.137.591.690	59.640.492.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	54.988.858.673	3.038.708.044
7. Chi phí tài chính	22	29	28.642.603.974	41.511.863.002
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.145.227.743	41.108.798.522
8. Chi phí bán hàng	25		8.912.803.796	19.920.687.237
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	38.155.137.493	6.950.069.497
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(7.584.094.900)	(5.703.419.223)
11. Thu nhập khác	31		17.083.928.189	31.986.291.708
12. Chi phí khác	32		9.494.302.857	7.882.999.154
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	31	7.589.625.332	24.103.292.554
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		5.530.432	18.399.873.331
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-	13.379.922.072
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.530.432	5.019.951.259
16.1 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			(1.029.209.216)	(631.041.623)
16.2 Lợi ích của cổ đông công ty mẹ			1.034.739.648	5.650.992.882
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	10	57

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.530.432	18.399.873.331
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.768.589.085	5.688.024.998
Các khoản dự phòng	03	(8.387.013.177)	(17.202.293.057)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(50.583.732.810)	(8.642.017.598)
Chi phí lãi vay	06	31.119.027.743	41.108.798.522
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(23.077.598.727)	39.352.386.196
Thay đổi các khoản phải thu	09	93.086.755.265	(79.959.210.722)
Thay đổi hàng tồn kho	10	46.043.539.766	294.175.487.167
Thay đổi các khoản phải trả	11	(97.357.453.291)	(234.358.758.979)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.539.525.903	5.818.638.173
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.087.530.194)	(2.791.376.234)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.924.085.258
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.147.238.722	26.161.250.859
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(10.468.608.359)	(4.111.164.725)
2. Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22	18.802.646.060	20.388.060.609
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	56.365.830.000	-
5. Thu lãi tiền gửi	27	4.219.589.197	3.509.793.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	63.919.456.898	19.786.689.354
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	-	12.475.987.238
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(51.739.675.809)	(57.128.185.886)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(26.239.464.780)	(58.064.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(77.979.140.589)	(44.710.263.598)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.912.444.969)	1.237.676.615
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.780.740.113	27.543.063.498
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	23.868.295.144	28.780.740.113

PHẦN THUYẾT MINH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 90 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 92 người).

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một chi nhánh để quản lý bất động sản, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi nhánh cũng được đặt tại trụ sở chính của Công ty. Theo quyết định số 634/QĐ-PETROLAND, ngày 27 tháng 10 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định giải thể chi nhánh Công ty.

Các công ty con

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ

phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-DKMP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Chế biến Sản phẩm Nông nghiệp sẽ thoái hết phần vốn tỷ lệ 9,74% vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú cho Công ty sau khi thực hiện hoàn tất nghĩa vụ nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, việc thoái vốn vẫn chưa thực hiện.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng Đăng ký Kinh doanh số 4200734936 cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại Số 67 Đường Mê Linh, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 315.425.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng tương đương với 62,19% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 200.387.520.000 đồng). Căn cứ vào Nghị quyết số 953/NQ-XLDK ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (“PVC”) về việc chấp thuận chủ trương sẽ chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá chuyển nhượng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang tìm kiếm đối tác để thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp nêu trên.

ông ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 350.504.480.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương 70,1% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Công ty đã thoái 100% vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long theo Nghị quyết số 650/NQ-PETROLAND của Hội đồng Quản trị Công ty ký ngày 01 tháng 11 năm 2016, và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 267/HĐCN.PETROLAND-DXG ký ngày 01 tháng 11 năm 2016 giữa Đất Xanh và Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Đất Xanh đã đặt cọc 10% giá chuyển nhượng với số tiền là 56.365.830.000 đồng cho Công ty. Số tiền còn lại sẽ được thanh toán cho Công ty sau khi (i) các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long góp đủ 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long theo Giấy đăng ký hoạt động và (ii) hoàn tất việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ cho Đất Xanh. Ngày 17 tháng 01 năm 2017, Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long số tiền là 147.494.400.000

đồng để góp đủ 100% vốn điều lệ (bao gồm vốn góp hộ cho Vũ Anh là 98.498.880.000 đồng).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sản giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản và dưới 12 tháng đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 53 không có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh của báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc niên độ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng

840
G TY
H AN
IA T
Đ TH
KH
I O C

phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và tiến độ thực hiện dự án. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Máy móc và thiết bị	7
Tài sản cố định khác	4

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 45 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

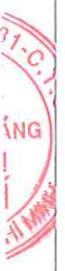
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 45 năm cho quyền sử dụng đất và 25 năm cho nhà cửa và vật kiến trúc.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.



Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận theo số tiền thực góp theo thỏa thuận của hợp đồng. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 13 tháng đến 60 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM

Báo cáo thường niên năm 2016

được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 được kiểm toán được công bố tại địa chỉ :

www.petroland.com.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2017

